

2024青苗乒乓球區際錦標賽

男子A組淘汰賽程

地點：歌和老街壁球及乒乓球中心

BA

第1組首名	1	葉逸朗 TM	葉逸朗 TM			
	X	-		2-3 : 蔡宗恒 HMT		
	3	朱朗堯 KT	BA-86 / 30-Nov / 11:00 / T2	3-11,12-10,7-11,11-6,6-11		
	4	蔡宗恒 HMT	0-3 : 蔡宗恒 HMT		3-2 : 蔡宗恒 HMT	
	5	張騰辰 TW	3-2 : 張騰辰 TW	BA-94 / 30-Nov / 12:30 / T9	11-9,7-11,11-7,9-11,12-10	
	6	屈子力 KT	11-8,7-11,11-8,8-11,12-10			
	X	-	BA-87 / 30-Nov / 11:00 / T11	1-3 : 黃智燊 WC		
	8	黃智燊 WC	黃智燊 WC			
第5-8組首名	9	董緒正 HMT	0-3 : 劉璋迅 WC		BA-100 / 30-Nov / 13:30 / T9	3-1 : 蔡宗恒 HMT
第5-8組首名	10	劉璋迅 WC	11-13,4-11,6-11,-,-	3-0 : 劉璋迅 WC		7-11,11-5,8-11,7-11,-
	11	劉祉皓 KT	BA-88 / 30-Nov / 11:00 / T1	11-8,11-4,11-7,-,-		
	12	鄭健森 TM	0-3 : 鄭健森 TM			
	13	鍾旻熹 CW	3-0 : 鍾旻熹 CW	BA-95 / 30-Nov / 12:30 / T6		0-3 : 范希諾 TP
	14	林逸恆 ST	11-6,11-5,11-6,-,-			6-11,9-11,10-12,-,-
	X	-	BA-89 / 30-Nov / 11:00 / T8	0-3 : 范希諾 TP		
	16	范希諾 TP	范希諾 TP			
第3-4組首名	17	陳鈺嵐 TP	陳鈺嵐 TP		BA-105 / 30-Nov / 15:00 / T1	冠軍 0-3 : 文嘉傑 TM
第3-4組首名	19	謝禮禧 CW	BA-90 / 30-Nov / 11:00 / T5	11-7,11-7,11-6,-,-		5-11,9-11,9-11,-,-
	20	呂顯穎 TW	0-3 : 呂顯穎 TW			
	21	區領謙 TW	1-3 : 文嘉傑 TM	BA-96 / 30-Nov / 12:30 / T10		1-3 : 文嘉傑 TM
	22	文嘉傑 TM	3-11,11-5,7-11,10-12,-			5-11,11-5,9-11,8-11,-
	23	陳梓竣 WC	BA-91 / 30-Nov / 11:00 / T6	11-3,11-8,14-12,-,-		
第5-8組首名	24	梁顯延 HMT	3-1 : 陳梓竣 WC		BA-101 / 30-Nov / 13:30 / T1	3-2 : 文嘉傑 TM
第5-8組首名	25	陳文廷 TP	陳文廷 TP			11-4,11-2,16-14,-,-
	X	-	BA-92 / 30-Nov / 11:00 / T10	3-2 : 陳文廷 TP		
	27	張煒昇 HMT	BA-84 / 30-Nov / 09:30 / T4	8-11,10-12,11-5,11-4,11-8		
	28	姚政言 TW	1-3 : 姚政言 TW			
	29	梁柏晞 WC	w/o 0-3 : 梁學懿 TW	BA-97 / 30-Nov / 12:30 / T3		0-3 : 梁子康 ST
	30	梁學懿 TW	BA-93 / 30-Nov / 11:00 / T9			6-11,7-11,4-11,-,-
	X	-		0-3 : 梁子康 ST		
	32	梁子康 ST	梁子康 ST			亞軍 范希諾 TP
第2組首名				5-11,10-12,6-11,-,-		

2024青苗乒乓球區際錦標賽
 男子A組淘汰賽程
 地點：歌和老街壁球及乒乓球中心

2/2

季軍

BA-100 的負方	蔡宗恒 HMT	3-0 : 蔡宗恒 HMT
	BA-104 / 30-Nov / 15:00 / T10	
BA-101 的負方	梁子康 ST	11-7,11-5,11-7,-,-

第4名

梁子康 ST

BA-94 的負方	劉璋迅 WC	1-3 : 劉璋迅 WC	第5名
	BA-98 / 30-Nov / 13:30 / T4	11-8,11-7,9-11,11-7,-	
BA-95 的負方	黃智榮 WC	3-2 : 黃智榮 WC	8-11,8-11,11-5,12-10,13-11
	BA-103 / 30-Nov / 14:30 / T3		
BA-96 的負方	陳鈺嵐 TP	3-0 : 陳鈺嵐 TP	第6名
	BA-99 / 30-Nov / 13:30 / T3		
BA-97 的負方	陳文廷 TP	11-9,15-13,9-11,8-11,11-9	

第6名

陳鈺嵐 TP

BA-98 的負方	劉璋迅 WC	3-1 : 劉璋迅 WC	8-11,11-7,11-8,12-10,-
	BA-102 / 30-Nov / 14:30 / T6		
BA-99 的負方	陳文廷 TP		

第7名

3-1 : 劉璋迅 WC

8-11,11-7,11-8,12-10,-

第8名

陳文廷 TP